

Số: 2525/TB-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2019 ĐỢT 1

Trường Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019 đợt 1 với các nội dung như sau:

I. NGÀNH THI TUYỂN VÀ MÔN THI TUYỂN

T T	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Môn thi		
				Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ (Nghe, nói, đọc viết)
1	Bảo vệ thực vật	8620112	29	Toán thống kê	Sinh lý thực vật	Anh văn
2	Bệnh học thủy sản (ngành mới)	8620302	32	Vi sinh đại cương	Bệnh học thủy sản đại cương	Anh văn
3	Chăn nuôi	8620105	32	Toán thống kê	Sinh lý động vật	Anh văn
4	Công nghệ sau thu hoạch	8540104	24	Toán thống kê	Công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch	Anh văn
5	Công nghệ sinh học	8420201	49	Toán thống kê	Sinh học đại cương	Anh văn
6	Công nghệ thực phẩm	8540101	37	Toán thống kê	Hóa sinh công nghiệp	Anh văn
7	Di truyền và chọn giống cây trồng	8620111	22	Toán thống kê	Di truyền đại cương	Anh văn
8	8.1. Hệ thống nông nghiệp	8620118	26	Toán thống kê	Hệ thống canh tác	Anh văn
	8.2. Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững * (chuyên ngành của ngành Hệ thống nông nghiệp)	8620118	40	Toán thống kê	Hệ thống canh tác	Anh văn
9	Hệ thống thông tin	8480104	26	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và cơ sở dữ liệu	Anh văn
10	Hóa hữu cơ	8440114	31	Toán cao cấp	Hóa hữu cơ	Anh văn
11	Hóa lý thuyết và hoá lý	8440119	32	Toán cao cấp	Cơ sở lý thuyết hóa	Anh văn
12	Khoa học cây trồng	8620110	31	Toán thống kê	Sinh lý thực vật	Anh văn
13	Khoa học đất	8620103	34	Toán thống kê	Thổ nhưỡng	Anh văn
14	Khoa học máy tính	8480101	62	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	Anh văn
15	Khoa học môi trường	8440301	29	Toán thống kê	Sinh thái học cơ bản	Anh văn
16	Kinh tế học	8310101	23	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
17	Kinh tế nông nghiệp	8620115	22	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
18	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	43	Toán kỹ thuật	Lý thuyết điều khiển tự động	Anh văn
19	Kỹ thuật điện	8520201	31	Toán kỹ thuật	Cơ sở kỹ thuật điện	Anh văn
20	Kỹ thuật hóa học	8520301	33	Toán cao cấp	Hóa lý kỹ thuật	Anh văn
21	Kỹ thuật môi trường	8520320	23	Toán thống kê	Kỹ thuật môi trường	Anh văn
22	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8580202	29	Toán xây dựng	Thủy lực	Anh văn

23	Luật kinh tế	8380107	32	Lý luận nhà nước và pháp luật	Luật thương mại	Anh văn
24	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111	35	Ngôn ngữ học	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Pháp văn
25	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	8140111	15	Phân tích văn bản	Lý luận dạy học tiếng Pháp	Anh văn
26	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt	8140111	21	Lý luận văn học	Phương pháp dạy học ngữ văn	Anh văn
27	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	8140111	26	Giải tích (cơ sở)	Lý luận dạy học Toán	Anh văn
28	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	20	Giải tích	Xác suất thống kê	Anh văn
29	Nuôi trồng thủy sản	8620301	45	Toán thống kê	Cơ sở và nguyên lý nuôi trồng thủy sản	Anh văn
30	Phát triển nông thôn	8620116	75	Toán thống kê	Hệ thống canh tác	Anh văn
31	Quản lý đất đai	8850103	40	Toán thống kê	Trắc địa	Anh văn
32	Quản lý giáo dục (ngành mới)	8140114	32	Tâm lý học đại cương	Giáo dục học	Anh văn
33	Quản lý kinh tế	8340410	28	Ứng dụng toán trong kinh doanh	Kinh tế học	Anh văn
34	34.1. Quản lý thủy sản	8620305	20	Toán thống kê	Tài nguyên thủy sinh vật	Anh văn
	34.2. Biến đổi khí hậu và quản lý tổng hợp thủy sản ven biển* (chuyên ngành của ngành Quản lý thủy sản)	8620305	20	Toán thống kê	Tài nguyên thủy sinh vật	Anh văn
	34.3. Đa dạng và bảo tồn nguồn lợi thủy sản ** (chuyên ngành của ngành Quản lý thủy sản)	8620305	20	Toán thống kê	Tài nguyên thủy sinh vật	Anh văn
35	35.1. Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	22	Toán thống kê	Quản lý môi trường	Anh văn
	35.2. Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng* (chuyên ngành của ngành Quản lý tài nguyên và môi trường)	8850101	25	Toán thống kê	Quản lý môi trường	Anh văn
36	Quản lý tổng hợp vùng ven biển (ngành mới)	Thí điểm	25	Toán thống kê	Quản lý tài nguyên ven biển	Anh văn
37	Quản trị kinh doanh	8340101	40	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
38	Sinh thái học	8420120	35	Toán thống kê	Sinh học đại cương	Anh văn
39	Tài chính – Ngân hàng	8340201	38	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
40	Thú y	8640101	36	Toán thống kê	Sinh lý bệnh thú y	Anh văn
41	Toán giải tích	8460102	20	Giải tích	Đại số	Anh văn
42	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	32	Phương trình toán lý	Cơ học lượng tử	Anh văn
43	Văn học Việt Nam	8220121	17	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học (cơ sở)	Anh văn
44	Vi sinh vật học	8420107	27	Toán thống kê	Sinh học đại cương	Anh văn

Ghi chú: * chuyên ngành thuộc Dự án án ODA Nhật Bản.

** chuyên ngành thuộc Dự án CONSEA.

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÀ KHU VỰC TUYỂN SINH

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng, thí sinh đáp ứng 1 trong 2 điều kiện a, b (hoặc a hoặc b):

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định;

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và học phần bổ sung kiến thức

(Phụ lục đính kèm).

c) Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần của thông báo tuyển sinh do tốt nghiệp đại học của các năm trước không còn đúng tên với Danh mục cấp IV hiện tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì thí sinh vẫn được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển nếu có nhu cầu và Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp.

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

Tất cả các ngành không yêu cầu kinh nghiệm chuyên môn, riêng ngành Quản lý kinh tế đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác khối ngành kinh tế cần có ít nhất 02 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực kinh tế.

3. **Lý lịch bản thân rõ ràng**, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. **Có đủ sức khỏe để học tập**; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định, Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

6. **Trường hợp thí sinh là học viên cao học của Trường Đại học Cần Thơ**: Đối với học viên cao học đang học tại Trường Đại học Cần Thơ nếu muốn đăng ký dự tuyển đầu vào thạc sĩ ngành khác với ngành đang học thì phải làm đơn xin dự tuyển được Ban Giám hiệu đồng ý và bồi hoàn chi phí đào tạo 4.500.000 đ/học viên trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trường hợp không trúng tuyển sẽ được học lại ngành cũ và nhận lại chi phí đào tạo đã bồi hoàn. Nếu học viên không làm thủ tục này hồ sơ xem như không hợp lệ và sẽ không được công nhận kết quả dự tuyển.

7. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ.

III. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục - Đào tạo triển khai ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyết định cho phép.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hình thức đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

Thời gian đào tạo: 02 năm.

Thời gian học tối đa: 04 năm.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

3. Thời gian nộp hồ sơ ưu tiên

Thí sinh nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
2. Bảng điểm đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
3. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
6. Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
7. Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
8. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
9. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bộ hồ sơ có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

10. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với ngành gần (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
11. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);
12. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
13. Hồ sơ xác nhận thâm niên công tác ít nhất 2 năm đối với thí sinh tốt nghiệp đại học khác ngành khác dự thi ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế, thạc sĩ Quản lý giáo dục (hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận của cơ quan công tác, 01 bản).

VII. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
 - b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;
 - c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

VIII. ĐĂNG KÝ ÔN TẬP, THỜI GIAN ÔN TẬP VÀ LỆ PHÍ ÔN TẬP

1. Thời gian **ghi danh đăng ký ôn tập** từ ngày ra thông báo đến **hết ngày 04/01/2019**.
2. Thủ tục ghi danh đăng ký ôn tập: nộp phiếu đăng ký ôn tập theo mẫu.
3. Thời gian ôn tập: dự kiến từ 11/01/2019 đến 24/3/2019 (thời khóa biểu xem tại website Khoa Sau đại học từ ngày 08/01/2019).

4.1 Lớp ôn ngoài giờ (giảng dạy tối thứ 5, tối thứ 6 và cả ngày thứ 7 chủ nhật):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối Kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 5.200.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 5.200.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 4.800.000đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 4.400.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 3.600.000đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối Kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 3.200.000đ /thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 3.200.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 2.800.000đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 2.400.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 1.600.000đ/thí sinh.

3.2 Lớp ôn bình thường (giảng dạy từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối Kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 4.810.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 4.810.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 4.440.000đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 4.070.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 3.330.000đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối Kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 2.960.000đ /thí sinh.
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy: 2.960.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện: 2.590.000đ/thí sinh.
- Lý luận và PPDH bộ môn Toán: 2.220.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 1.480.000đ/thí sinh.

IX. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI TUYỂN VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

1. Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **28/02/2019**.
 - **Trường Đại học Cần Thơ nhận hồ sơ dự tuyển nộp đầy đủ và đúng thời hạn thông báo.**
 - **Hồ sơ và lệ phí đã nộp không hoàn trả lại.**
2. Thời gian thi tuyển: **30/3/2019 và 31/3/2019**.
3. Thời gian dự kiến công bố kết quả tuyển sinh: 19/4/2019.
4. Thời gian dự kiến nhập học: 15/5/2019.
5. Đăng ký dự thi: 60.000đ/thí sinh/hồ sơ.
6. Dự thi thạc sĩ: 120.000đ/thí sinh/môn thi.
7. Lệ phí đăng ký dự thi và dự thi thạc sĩ nộp tại Phòng Tài chính, Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2 Trường Đại học Cần Thơ.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký dự tuyển và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Khoa Sau đại học - Trường Đại học Cần Thơ

Khu II đường 3 tháng 2, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 0292.3734401 hoặc 0292. 3734402.

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Ghi chú: Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp. Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Website Trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hiền

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.